

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 134/2022/QĐST-HNGĐ

B, ngày 21 tháng 01 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

Căn cứ khoản 2 Điều 149, 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 5, 6 và điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986;
Căn cứ Điều 55 và điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 2078/2021/TLST-VHNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2021 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. **Ông Đặng Ngọc T**, sinh năm 1971.

Địa chỉ: A3A, khu phố 2, phường T1, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. **Bà Đỗ Lư Tâm P**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: A3A, khu phố 2, phường T1, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 24 tháng 5 năm 2021, ông Đặng Ngọc T và bà Đỗ Lư Tâm P cùng nộp đơn yêu cầu “công nhận thuận tình ly hôn”. Quá trình vận động hòa giải, ông T và bà P thống nhất không hòa giải đoàn tụ; Tòa án nhân dân thành phố B đã lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận thuận tình ly hôn vào ngày 13 tháng 01 năm 2022. Ông T và bà P cư trú tại phường T1 thuộc thành phố Biên Hòa, đã nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự; Do đó, đơn yêu cầu của ông T và bà P được Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung đơn yêu cầu:

Ông Đặng Ngọc T và bà Đỗ Lư Tâm P chung sống với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T1, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 43 ngày 13/3/2000. Ông T và bà P xác định có 01 con chung là Đặng Ngọc Phương T2, sinh ngày 17/9/2001. Cháu T2 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Ông T, bà P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Ông T, bà P xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình chung sống, ông T và bà P thừa nhận hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Ông T và bà P xác định tình cảm không còn, không đồng ý hòa giải đoàn tụ mà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

Xét thấy, ông T và bà P thực sự tự nguyện ly hôn; sự thỏa thuận của ông T và bà P đảm bảo quyền lợi chính đáng của các bên. Do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân thành phố B chấp nhận đơn yêu cầu của ông T và bà P.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Đặng Ngọc T và bà Đỗ Lư Tâm P.

- Về con chung: 01 con chung là Đặng Ngọc Phương T2, sinh ngày 17/9/2001. Cháu T2 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Đặng Ngọc T và bà Đỗ Lư Tâm P mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu lệ phí số 0000581 ngày 02/12/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B. Ông T, bà P đã nộp đủ lệ phí theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã (phường) ĐKKH;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Thành Thị Thu Trang